

Bản án số: 631/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2020

V/v “*tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1987

Địa chỉ: 177 Ter Cách Mạng Tháng 8, Phường A, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hồ Hoàng Cường, sinh năm 1979

Địa chỉ: 177 Ter Cách Mạng Tháng 8, Phường A, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

(Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà T trình bày:

Bà và ông C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Eadrăng, huyện EaH’leo, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyền số 01/2012 cấp ngày 23/7/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên H, sinh ngày 15/10/2013. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng xảy ra nguyên nhân do ông C đã thể hiện thái độ sống không quan tâm, không chăm lo, vun vén hạnh phúc, sống không có trách nhiệm với cuộc sống chung gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi. Từ năm 2015 cho đến nay bà và ông C đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Hoàng C. Về con chung:

Có 01 con chung tên H, sinh ngày 15/10/2013, bà T yêu cầu được giữ nuôi con; về việc cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, ông C đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả trả lời xác minh ngày 24/02/2020 của Công an Phường 5, Quận 3: “Ông C có hộ khẩu thường trú tại số 177 Ter CMT8, P5-Q3, TP. HCM. Hiện vẫn đang cư ngụ tại địa chỉ trên. Ông C là con trai của chủ hộ”. Vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn - bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn - ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Eadrăng, huyện EaH’leo, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2012 cấp ngày 23/7/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C với lý do: Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng xảy ra nguyên nhân do ông C đã thể hiện thái độ sống không quan tâm, không chăm lo, vun vén hạnh phúc, sống không có trách nhiệm với cuộc sống chung gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi. Từ năm 2015 cho đến nay bà và

con gái đã dọn ra ngoài ở riêng và cũng từ thời gian đó bà T và ông C đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Ông C không quan tâm, không chăm lo, sống không có trách nhiệm với cuộc sống chung gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015, mỗi người sống một nơi nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T và ông C không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà T và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...”.

Và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình qui định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được....”.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn đã tồn tại thời gian dài nhưng vợ chồng không thể giải quyết được, dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ gia đình, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ Bản sao giấy khai sinh số 449, quyển số 03/2013 do Ủy ban nhân dân Thị trấn Eadrăng, huyện EaH’leo, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/11/2013 mang tên trẻ H, sinh ngày 15/10/2013 có cha là ông C và mẹ là bà T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ H và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “...Cha, mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển...”. Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên....”.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã nêu trên thì bà T là người phù hợp nhất để nuôi trẻ H, bởi lẽ bà T là người gần gũi và có đủ điều kiện chăm sóc con trẻ, trẻ còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao trẻ H cho bà T nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà T không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

- Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Giao trẻ H, sinh ngày 15/10/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông C thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà T phải chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0018921 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- UBND P.5, Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn